

Số: /BC - BDT

Ninh Thuận, ngày tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại Công văn số 872-CV/BCS ngày 28/9/2022 về việc tham mưu báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Công văn số 2999/SNV-TCBM ngày 28/9/2022 của Sở Nội vụ về việc phối hợp báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận phối hợp với các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa IX, như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI

Tỉnh Ninh Thuận có diện tích tự nhiên 3.358 km², dân số 181.788 hộ/722.689 khẩu; có 06 huyện và 01 thành phố, trong đó, huyện Bác Ái thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ. Giai đoạn 2016-2020, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận có 37 xã, trong đó 15 xã khu vực III, 21 xã khu vực II, 01 xã khu vực I¹. Giai đoạn 2021-2025, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh có 28 xã; trong đó có 15 xã khu vực III, 01 xã khu vực II, 12 xã khu vực I² với 71 thôn đặc biệt khó khăn³.

Toàn tỉnh có 32 dân tộc thiểu số, với 38.431 hộ/170.566 khẩu, chiếm 23% dân số toàn tỉnh; (dân tộc Raglai 17.762/76.295 khẩu, chiếm 10,6% dân số toàn tỉnh; dân tộc Chăm 19.239 hộ/85.343 khẩu, chiếm 11% dân số toàn tỉnh; dân tộc Hoa 974 hộ/3.759 khẩu, chiếm 0,53% dân số toàn tỉnh; các dân tộc thiểu số khác 728 hộ/3.828 khẩu, chiếm 0,53% dân số toàn tỉnh). (Hộ nghèo dân tộc thiểu số 8.635 hộ/38.860 khẩu, chiếm 22,46% so với

¹ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

² Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Theo Quyết định số 1127/QĐ-TTg, ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, giai đoạn 2021 -2025, gồm: Dân tộc Raglai, Cơ Ho, Chăm.

³ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025.

hộ DTTS; Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số 4.687 hộ/22.753 khẩu, chiếm 12,19% so với hộ DTTS)⁴.

Đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận có truyền thống đoàn kết, yêu nước, có bản sắc văn hóa, tiếng nói riêng của mỗi dân tộc; trong đó dân tộc Chăm và dân tộc Raglai theo chế độ mẫu hệ. Dân tộc Chăm sinh sống chủ yếu ở vùng đồng bằng, sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt và chăn nuôi. Dân tộc Raglai và K'ho chủ yếu ở miền núi, sinh sống bằng nghề nông nghiệp. Về tôn giáo, dân tộc Chăm chủ yếu theo 03 tôn giáo chính, đạo Bàlamôn, đạo Hồi giáo Bà ni và đạo Hồi giáo Islam; dân tộc Raglai chủ yếu theo tín ngưỡng dân gian, một số ít theo đạo Thiên Chúa giáo, Tin Lành và tôn giáo khác...

II. KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết

Trên cơ sở Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa và chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động của đơn vị và cán bộ công tác dân tộc các địa phương. Qua học tập, quán triệt, đội ngũ cán bộ công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở đã nhận thức rõ về mục tiêu, quan điểm, chủ trương và các giải pháp thực hiện của Nghị quyết số 23-NQ/TW, từ đó triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo hiệu quả, phát huy tinh thần đoàn kết nội bộ cơ quan đơn vị.

Trong 20 năm qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận đã ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên các phương diện nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng, triển khai nhiều chương trình, dự án về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; đồng thời, chú trọng đến công tác phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện và đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Nhờ vậy, trong những năm qua, tình hình chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh ổn định, kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết trên một số lĩnh vực

⁴ Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh kết quả tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận..

a) Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết các dân tộc được thực hiện qua nhiều hình thức, đặc biệt là Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc năm 2021; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 1/7/2016 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội miền núi giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 12-NQ/TU về nâng cao hiệu quả công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc và miền núi, giai đoạn 2016-2020; Kết luận số 14-KL/TU ngày 31/12/2021 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 16/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII về nâng cao hiệu quả công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc miền núi và các cuộc tuyên truyền về Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số định kỳ cấp huyện, tỉnh lần thứ I-2009, lần thứ II-2014; lần thứ III-2019, Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ I-2010 và lần thứ II-2020...; triển khai thực hiện các Đề án, chính sách của Đảng và Nhà nước, Mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đã bám sát Nghị quyết của Đảng, nhiệm vụ chính trị của địa phương, các Chương trình hành động của Đảng bộ các cấp; không ngừng nâng cao nhận thức trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, vận động các tầng lớp Nhân dân tổ chức thực hiện đạt kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực. Chủ động phối hợp các ngành liên quan tổ chức đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước đạt hiệu quả thiết thực như “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”. Phân công các cơ quan đơn vị, địa phương cấp tỉnh, cấp huyện, xã vùng đồng bằng nhận kết nghĩa, đỡ đầu xã đặc biệt khó khăn, xây dựng nông thôn mới qua các hoạt động cụ thể trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ an ninh biên giới.

Phát huy truyền thống đoàn kết, nêu cao ý chí tự lực tự cường, năng động sáng tạo, vượt qua khó khăn thử thách, huy động cao nhất nguồn nội lực và hỗ trợ, cộng đồng các dân tộc trong tỉnh đã quyết tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào, đảm bảo an sinh xã hội; tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển đi lên trong tiến trình xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước.

b) Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao trình độ dân trí, xóa đói, giảm nghèo.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Trong thời gian qua thực hiện các Chỉ thị, Nghị định, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh đã cụ thể hóa

và chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện; ban hành các Quyết định, Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, như⁵: Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc năm 2021; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 01/7/2016 của tỉnh ủy; Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; Quyết định số 71/2016/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và ban hành Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền núi giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch số 335/KH-UBND, ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU về nâng cao hiệu quả công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc và miền núi, giai đoạn 2016-2020. Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

⁵Kế hoạch số 335/KH-UBND, ngày 08/02/2017 về thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TU; Kế hoạch số 2120/KH-UBND, ngày 06/6/2016 về phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới; Kế hoạch số 5086/KH-UBND, ngày 15/12/2016 về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 3874/KH-UBND, ngày 05/10/2015 về thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 1670/QĐ-UBND, ngày 30/6/2016 Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 572/KH-UBND ngày 24/02/2017 về triển khai thực hiện Quyết định số 59/QĐ-UBND, ngày 16/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 786/KH-UBND ngày 04/3/2019 về thực hiện Quyết định số 45/QĐ -TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021; Kế hoạch số 1886/KH-UBND ngày 23/5/2017 về thực hiện Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 3131/KH-UBND ngày 03/8/2017 về xây dựng thôn đồng bào dân tộc kiểu mẫu tại thôn Suối Rớ, xã Phước Chính, huyện Bác Ái giai đoạn năm 2017-2020; Quyết định số 96/2017/QĐ-UBND, ngày 28/9/2017 về ban hành Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 3921/KH-UBND ngày 22/9/2017 về việc thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 2144/KH-UBND ngày 28/5/2018 về triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Kế hoạch số 4114/KH-UBND ngày 03/10/2017 về triển khai thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2017-2021; Kế hoạch số 3294/KH-UBND ngày 02/8/2019 triển khai thực hiện Quyết định 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, về Phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”; Quyết định số 71/2016/QĐ-UBND về phê duyệt đề án phát triển miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 23/6/2019, quy định chính sách đặc thù hỗ trợ học phí, chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh giáo dục phổ thông thuộc diện hộ cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 3313/KH-UBND ngày 05/8/2019 về việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng đồng bào dân tộc RagLai tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và những năm tiếp theo; kế hoạch số 770/KH-UBND, ngày 16/3/2020 triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc. Kế hoạch số 4292/KH-UBND ngày 02/11/2020 triển khai thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 12/11/2020, của Thủ tướng Chính phủ về phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 482/KH-UBND ngày 29/01/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 31/12/2020, của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 752/KH-UBND ngày 18/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18/12/2020, của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” đến 2025 và Kế hoạch số 891/KH-UBND ngày 24/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019- 2025.

bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 11/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

*** Về phát triển Kinh tế - xã hội:**

Cấp ủy Đảng, Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể của tỉnh đã tổ chức quán triệt, xây dựng Chương trình, Kế hoạch để cụ thể hóa, thực hiện công tác dân tộc và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đạt được kết quả như sau:

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, quy mô nền kinh tế được mở rộng, tốc độ tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh bình quân giai đoạn 2005-2021 là 8,77% và năm 2021 đạt 9%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, phát huy lợi thế từng ngành, từng sản phẩm, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 17,5% năm 2003 lên 38,2% năm 2021; ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 46,7% năm 2003 xuống còn 31,9% năm 2021; ngành dịch vụ giảm từ 35,8% năm 2003 xuống còn 29,9% năm 2021. Quy mô lao động năm 2021 là 315.163 người tăng 79.290 người so với năm 2003. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế: Năm 2003, nông nghiệp chiếm 71,6%, công nghiệp xây dựng chiếm 10,9%, dịch vụ du lịch chiếm 17,5%; năm 2021, nông nghiệp chiếm 41,3%, công nghiệp xây dựng chiếm 22,2%, dịch vụ du lịch chiếm 36,5%.

Bên cạnh đó, lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng đạt được nhiều kết quả, tỷ lệ thất nghiệp đến cuối năm 2021 giảm còn 3,43%, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 1,5-2%. Đặc biệt các phòng trào xây dựng nông thôn mới, dân vận khéo được thực hiện có hiệu quả. Giai đoạn 2011-2020 đã huy động được 10.028 tỷ đồng để thực hiện Chương trình, đến cuối năm 2021, có 29/47 xã (61,7%) đạt chuẩn nông thôn mới, 06 xã đạt chuẩn nâng mới nâng cao, 03 huyện, thành phố hoàn thành tiêu chí nông thôn mới. Diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn đã được cải thiện rõ rệt⁶; cơ sở vật chất trường học, trạm y tế, nhà văn hóa xã, thôn, chợ, điện, bưu điện... đã đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân; mức chênh lệch giữa nông thôn và thành thị được thu hẹp, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng lên rõ rệt; thu nhập bình

⁶ Hơn 248 km đường nông thôn được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới; hơn 555,8 km kênh mương cấp 3, 4 được xây dựng, tu bổ.

quân đầu người tăng 3,5 lần so với 2011 và 2,05 lần so với năm 2015⁷.

Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từng bước ổn định và phát triển. Diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã thay đổi căn bản; đời sống của đồng bào từng bước được cải thiện; Thu nhập bình quân đầu người của người dân tộc thiểu số tăng nhanh, đến năm 2021 đạt 30,4 triệu đồng⁸; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, hiện còn 14,46%⁹, bình quân hàng năm giảm 3-4%¹⁰. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngày càng phát triển cả về quy mô, mạng lưới và chất lượng. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên¹¹; Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được chú trọng. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số ngày càng được quan tâm hơn. Công tác cán bộ người dân tộc thiểu số được chú trọng; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đối với Đảng, Nhà nước ngày càng được củng cố.

*** Về công tác xây dựng và thực hiện Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội:**

Công tác quy hoạch, kế hoạch luôn được coi trọng, đề cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011, trong thời gian qua Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, phê duyệt 38 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu¹²; trong đó có vùng dân tộc và miền núi; đồng thời ban hành 02 Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020 và nhiều Chương trình, nghị quyết, đề án, kế hoạch để triển khai thực hiện. Cùng với lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, công tác triển khai cụ thể hoá quy hoạch chung cũng được triển khai thực hiện kịp thời¹³. Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện một cách đồng bộ¹⁴. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho từng giai đoạn và hằng năm được các cấp

⁷ Thu nhập bình quân đầu người năm 2011 là 11,96 triệu đồng; năm 2015 là 20,4 triệu đồng; năm 2021 là 41,9 triệu đồng.

⁸ Tăng 23,4 triệu đồng so với năm 2010.

⁹ Giảm 15,54% so năm 2010.

¹⁰ Riêng huyện nghèo Bắc Ái giảm 5- 6%/năm.

¹¹ Năm 2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo của đồng bào DTTS toàn tỉnh là 29,12%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ người dân tộc thiểu số 11,69%.

¹² Trong đó 7 QH tổng thể phát triển KT-XH các huyện thành phố và 31 QH phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu.

¹³ Điều chỉnh QH phân khu xây dựng Khu dân cư Bắc Trần Phú; QH phân khu xây dựng Khu dân cư Đông Nam, TP. Phan Rang-Tháp Chàm; QH phân khu xây dựng Cảng biển Ninh Chữ; QH phân khu xây dựng Cảng tổng hợp Cà Ná; điều chỉnh QH phân khu Khu đô thị Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn và thị trấn Khánh Hải.

¹⁴ Kết quả đến nay, toàn tỉnh có 47 xã đến nay đã phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận toàn bộ 47/47 xã, đạt 100%. Trong tổng số 47 xã trên địa bàn tỉnh, đến nay được phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã là 40/47 xã, đạt tỷ lệ 85,11% so toàn xã trên địa bàn tỉnh; tổng số xã được phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư nông thôn là 40/47 xã, đạt tỷ lệ 85,11% so toàn xã trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 11/11 xã điểm được phê duyệt khu trung tâm xã và quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn, đạt tỷ lệ 100%.

quan tâm¹⁵, khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh triển khai các bước lập Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 theo phương pháp tích hợp, hiện nay đang trình Hội đồng thẩm định Quốc gia phê duyệt.

*** Về nguồn lực đầu tư**

- Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển ở vùng dân tộc miền núi:

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh về ưu tiên hỗ trợ đầu tư vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong những năm qua Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan tham mưu UBND Tỉnh tập trung huy động, lồng ghép nhiều nguồn vốn từ các Chương trình, dự án, như: các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001-2005; 2006-2010; 2011-2015; 2016-2020; Chương trình 30a, 134, 135, Chương trình xây dựng Nông thôn mới, các Chương trình kiên cố hóa trường lớp học, kênh mương, thủy lợi nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn các Chương trình Hỗ trợ có mục tiêu, vốn Tín dụng ưu đãi, ODA,... để hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho địa bàn khu vực dân tộc thiểu số và miền núi. Việc tham mưu từ khâu lập Kế hoạch, phân bổ nguồn vốn được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, mục tiêu theo quy định và đảm bảo nguyên tắc quản lý vốn đầu tư theo quy định Luật Đầu tư công và ngân sách nhà nước.

Kết quả trong 20 năm qua, đã huy động được trên 9.953 tỷ đồng¹⁶ (bình quân mỗi năm trên 497,6 tỷ đồng) để đầu tư trên 1.530 hạng mục công trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của khu vực dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó tập trung đầu tư cho hạ tầng giao thông, nông nghiệp và thủy lợi, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, nước sinh hoạt, chợ nông thôn,... là những lĩnh vực bức xúc, khó khăn nhất của vùng. Bằng nguồn vốn trên, đã hỗ trợ xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống người dân trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; qua đó góp phần kiện toàn cơ sở hạ tầng sản xuất và đời sống, thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Nhìn chung, công tác đầu tư xây dựng các công trình được triển khai kịp thời, đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm, thực hiện dân chủ, công khai. Các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân, hỗ trợ phát triển sản xuất được quan tâm đầu tư, bước đầu đã giải quyết được những khó khăn cho người dân trên địa bàn. Hầu hết các công trình đầu tư hoàn thành đã phát huy hiệu quả, tác động đến đời sống

¹⁵ Tỉnh đã lập, tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất các giai đoạn 1995-2010, giai đoạn 2011-2020 và đang thực hiện giai đoạn 2021-2025.

¹⁶ Trong đó: lĩnh vực giao thông 2.278 triệu đồng/419 CT; Thủy lợi, nông nghiệp 4.900 triệu đồng/220 CT; Giáo dục 854,9 triệu đồng/359 CT; Y tế, dân số 279 triệu đồng/63 CT; hạ tầng nước sinh hoạt 620,6 triệu đồng/143 CT; văn hóa, thể thao, thông tin 235,2 triệu đồng/102 CT; Hạ tầng dân sinh khác (Điện, Chợ, khu tái định cư, trụ sở xã,...) 664,7 triệu đồng/ 226 CT.

người dân, nhất là các công trình giao thông, thủy lợi, trường học,... hướng trực tiếp vào giảm nghèo, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi, Nhân dân phấn khởi, có niềm tin vào chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

- *Công tác vận động, thu hút đầu tư các thành phần kinh tế, các dự án ODA, NGO:*

Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Trong giai đoạn 2003-2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu thu hút và triển khai 141 dự án/18,7 triệu USD; trong đó có 106 dự án/14,6 triệu USD triển khai thực hiện trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội. Trong đó, có một số dự án có tác động lớn đến công tác xóa đói giảm nghèo cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số: Dự án Hỗ trợ Tam nông tỉnh Ninh Thuận (IFAD tài trợ) với tổng vốn đầu tư trên 330 tỷ đồng được triển khai thực hiện trên địa bàn 27 xã khó khăn vùng dân tộc và miền núi; Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung giai đoạn 2 (ADB) với tổng vốn đầu tư 366,77 tỷ đồng; Dự án tỉnh bạn hữu trẻ em giai đoạn 2007-2011, 2012-2016/80.946 triệu đồng và Dự án Giảm nhẹ rủi ro thiên tai lấy trẻ em làm trung tâm giai đoạn 2017-2021/9.894 triệu đồng do Unicef tài trợ. Các dự án trên đã góp phần hỗ trợ nâng cao năng lực lập kế hoạch kinh tế - xã hội cấp xã, phát triển các chuỗi giá trị nông nghiệp (táo, dê, bò, cừu, heo đen...), xây dựng các tổ nhóm sản xuất, hỗ trợ các quỹ phát triển cộng đồng...; hỗ trợ nông dân chăn nuôi và sản xuất nâng cao thu nhập; nâng cao năng lực lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh có lồng ghép các vấn đề về trẻ em, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...

- Nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO): Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước thông qua các chương trình, dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu UBND tỉnh xây dựng các chương trình, kế hoạch để kêu gọi tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hỗ trợ khu vực miền núi, khu vực đặc biệt khó khăn, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Kết quả đến nay đã có 45 dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài/7,5 triệu USD vốn cam kết do các tổ chức Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Hà Lan, Nhật Bản, Ấn Độ tham gia tài trợ hiện trên địa bàn tỉnh; trong đó có 26 dự án thực hiện trên địa bàn vùng dân tộc miền núi với vốn cam kết 5,9 triệu USD chủ yếu trên các lĩnh vực: y tế, phát triển kinh tế xã hội nông thôn, giáo dục đào tạo;....

Việc triển khai các dự án tài trợ trên góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục; nâng cao năng lực cho người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi,...; đồng thời giúp nâng cao năng lực, khả năng lồng ghép các nguồn vốn, các Chương trình, mục tiêu khác nhau phục vụ mục tiêu xóa đói giảm nghèo, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

*** Về văn hóa, xã hội:**

Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống của nhân dân vùng miền núi được cải thiện

- *Về Giáo dục - Đào tạo* : được chú trọng và chuyển biến tích cực, quy mô giáo dục tăng nhanh, đáp ứng nhu cầu học tập của con em vùng miền núi; tình trạng học sinh bỏ học ở các cấp giảm. Chế độ chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là con em dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn được thực hiện kịp thời. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non được nâng lên một bước. Công tác phổ cập giáo dục mầm non 05 tuổi, giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1 và giáo dục trung học cơ sở được duy trì và củng cố tại 27/27 xã; công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp được tập trung chỉ đạo theo đúng lộ trình, đến cuối năm 2020, giảm 14 trường¹⁷. Cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm đầu tư nâng cấp theo hướng kiên cố hóa và đến nay có 46/118 trường đạt chuẩn quốc gia¹⁸; đạt 38,98% (Nghị quyết có trên 30% số trường đạt chuẩn quốc gia).

- *Về y tế* : Chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi được nâng lên; công tác y tế dự phòng được tăng cường, tình hình dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ, không chế xử lý kịp thời¹⁹; vệ sinh an toàn thực phẩm được tập trung chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt. Công tác phòng chống HIV/AIDS được chú trọng; Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em được quan tâm chỉ đạo triển khai, công tác vận động các tổ chức từ thiện khám và chữa bệnh cho người nghèo, đối tượng chính sách và trẻ em tiếp tục phát huy hiệu quả.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư nâng cấp; đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường, nhất là mạng lưới y tế cơ sở. Đến nay, có 25/25 (giảm 02 trạm)²⁰ trạm y tế xã miền núi có Bác sỹ luân phiên làm việc, đạt 100% và tăng 10% so với Nghị quyết (phần đầu 90% trạm y tế xã có bác sỹ làm việc) và 100% số thôn vùng đồng bào dân tộc Raglai có nhân viên y tế và cô đỡ thôn bản; 100% người dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế; Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em được quan tâm chỉ đạo triển khai. Triển khai và đạt hiệu quả trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình và tư vấn về dân số-kế hoạch hóa gia đình, góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- *Về Chính sách an sinh xã hội* : đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai đầy đủ, kịp thời; công tác hỗ trợ gạo cứu đói giáp hạt và vùng miền núi bị thiên tai, hạn hán được thực hiện kịp thời. Việc thăm hỏi, tặng quà các đối

¹⁷ Giảm 13 trường: Mầm non 10 trường, Tiểu học 04 trường.

¹⁸ Đầu tư xây mới 02 trường DTNT và xây mới 138 phòng học, trong đó Mầm non 64 phòng, Tiểu học 74 phòng. Trường đạt chuẩn quốc gia: Phổ thông 40 trường, Mầm non 20 trường.

¹⁹ Phát hiện 524 trường hợp mắc Sốt xuất huyết; 98 trường hợp mắc Tay chân miệng; 830 trường hợp mắc Tiêu chảy.

²⁰ Giảm 02 trạm Y tế: Trạm Y xã Phước Đại (Bác Ái) và Lợi Hải (Thuận Bắc), do đã giải thể, chức năng nhiệm vụ của các trạm giải thể do Trung tâm Y tế huyện đảm nhiệm.

tượng chính sách, hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong các dịp Lễ, Tết được quan tâm thực hiện; các hoạt động người có công được duy trì, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” được triển khai sâu rộng.

- Mặt trận và các đoàn thể tích cực đa dạng hóa các loại hình tập hợp, xây dựng các mô hình hoạt động thu hút các tầng lớp đoàn viên, hội viên tham gia nhằm phát huy tinh thần lao động sáng tạo trong việc phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng chăm lo, bồi dưỡng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận xã hội, huy động sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng tham gia, góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương. Thực hiện Chương trình an sinh xã hội, MTTQ Việt Nam các cấp đã phối hợp với chính quyền các cấp tích cực vận động Quỹ “Vì người nghèo”, Quỹ “Cứu trợ”. Đến nay Quỹ “Vì người nghèo” các cấp đã huy động được trên 171 tỷ đồng và Quỹ “Cứu trợ” đã huy động được trên 29 tỷ đồng. Từ nguồn quỹ này, đã hỗ trợ làm mới và sửa chữa được 13.886 ngôi nhà cho hộ nghèo, đầu tư xây dựng và sửa chữa 732 ngôi nhà cho các hộ gia đình khó khăn nằm trong vùng thường xuyên bị ảnh hưởng do thiên tai; giúp đỡ, hỗ trợ cho hàng nghìn trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường...; hỗ trợ 1.000 con bò giống; vốn sản xuất cho hộ nghèo để mua sắm phương tiện phục vụ sản xuất... Qua đó, đã góp phần tích cực thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống của cộng đồng Nhân dân ở từng khu dân cư...

c) Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

- Nhằm giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, công tác bảo tồn nghề và làng nghề năm 2012, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đưa “*Nghệ thuật làm gốm của người Chăm làng Bàu Trúc, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận*” vào danh sách 12 di sản cần lập hồ sơ để đệ trình UNESCO công nhận là di sản cần được bảo vệ khẩn cấp của nhân loại. Sau thời gian xây dựng hồ sơ, ngày 20/6/2017, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 2459/QĐ-BVHTTDL đưa “*Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm làng Bàu Trúc vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*”. Năm 2018, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 3511/KH-UBND về việc xây dựng hồ sơ “*Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm*” trình UNESCO đưa vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Đến nay hồ sơ đã hoàn chỉnh và đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đệ trình UNESCO vào tháng 3/2019. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng ở các làng nghề truyền thống đã được xây dựng cơ bản, tuyến đường giao thông vào làng nghề được trải nhựa, có hệ thống đèn chiếu sáng như: làng nghề dệt thổ cẩm Chăm Mỹ Nghiệp, làng nghề dệt thổ cẩm Chung Mỹ, làng gốm Bàu Trúc thuộc thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước. Trong năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1062/QĐ-UBND về dự án khuôn viên nhà truyền thống dân tộc Chăm thuộc dự án bảo tồn làng Bàu Trúc với tổng mức đầu tư trên 19 tỷ đồng (trong đó Chương trình hợp tác của nước ngoài 13

tỷ đồng và vốn đối ứng của tỉnh 06 tỷ đồng). Kết quả, năm 2016 và 2019, toàn tỉnh có 23 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu “*Nghệ nhân ưu tú*” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; trong đó có 20 nghệ nhân là người đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Năm 2020, tiếp tục trình 12 hồ sơ cá nhân về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú lần thứ Ba năm 2021 (hiện chưa có kết quả xét tặng).

Về công tác tổ chức các hoạt động truyền thống, giao lưu văn hóa vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Hằng năm Đoàn Ca múa nhạc dân tộc, Thư Viện tỉnh cùng Trung Tâm Phát hành phim và Chiếu bóng, phục vụ miền núi, vùng sâu, vùng xa. Các chương trình biểu diễn đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân nơi đây. Ngoài ra, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn đưa đoàn các các nghệ nhân là người Chăm và Raglai tham gia Chương trình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức nhân các ngày “*Festival Di sản Quảng Nam*”; “*Ngày hội Văn hóa các dân tộc Việt Nam*” “*Ngày hội Văn hóa thể thao và du lịch vùng đồng bào Chăm toàn quốc*” đã góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào; nâng cao ý thức tự bảo vệ di sản văn hóa trong cộng đồng các dân tộc và được quảng bá hình ảnh du lịch cho tỉnh nhà.

- Triển khai Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi: Song song với việc đưa chữ Chăm vào dạy ở các trường tiểu học vùng đồng bào Chăm; thời gian qua, UBND đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, Viện kiểm sát, Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh, UBND huyện Bắc Ái mở các lớp bồi dưỡng tiếng Chăm, tiếng Raglai cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện đang công tác tại vùng đồng bào dân tộc. Tính đến cuối năm 2021, có 13 lớp với trên 412 học viên được theo học dưới hình thức này, trong đó có 08 lớp tiếng Chăm, với 249 học viên, 05 lớp tiếng Raglai, với 153 học viên.

- Triển khai Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành; tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện đến các cơ sở giáo dục trong tỉnh. Công tác giảng dạy chữ Chăm ở cấp Tiểu học được thực hiện nghiêm túc. Công tác dạy học tiếng dân tộc (tiếng Chăm) ngày càng phát triển cả về số lượng cũng như đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Năm học 2021-2022, tiếp tục duy trì việc dạy tiếng Chăm ở 24/24 trường tiểu học vùng đồng bào Chăm với 8.251/3988 nữ từ lớp 1 đến lớp 5 ở 7 huyện/thành phố (chiếm tỷ lệ 100% học sinh Chăm được học tiếng Chăm). Chất lượng dạy học trong các trường tiểu học dạy chữ Chăm được giữ vững, tỉ lệ học sinh bỏ học giảm so với năm học trước.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức dạy học thực nghiệm tiếng Raglai trong trường phổ thông; năm học

2021-2022 đã được triển khai thực hiện bắt đầu từ lớp 1 tại các huyện, xã, thôn có đông học sinh dân tộc Raglai và có nguyện vọng học tiếng DTTS và tiếp tục triển khai thực nghiệm lớp 2 và các lớp tiếp theo. Năm học 2018-2019, Tỉnh đã quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng cho giáo viên người dân tộc Raglai cấp tiểu học tại trường Cao đẳng sư phạm Ninh Thuận với số lượng 45 học viên; qua đó đã từng bước nâng cao kiến thức, kỹ năng và phương pháp cho giáo viên.

d) Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, nhân sỹ, trí thức dân tộc thiểu số.

Thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức người DTTS đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Cán bộ, công chức, viên chức người DTTS ngày càng được nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị theo các tiêu chuẩn chức danh quy định, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương; đảm đương được công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành công tác của cấp ủy, chính quyền ở cơ sở và làm chủ đầu tư các Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý.

* Về công tác đào tạo: Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2010-2015, 2016-2020, 2021-2025; định kỳ hàng năm Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (*trong đó đã tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số*). Theo đó, từ năm 2010 đến nay, đã tăng cường cử cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh; đồng thời, lồng ghép đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 1956/TTg và Quyết định 124/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả cụ thể như sau:

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với 2.931 cán bộ, công chức, viên chức; trong đó có 411 cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (*chiếm 14% tổng số cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo*);

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ đối với 4.752 cán bộ, công chức cấp xã; trong đó có 1.128 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số (*chiếm 23,7% tổng số cán bộ, công chức tham gia*);

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước đối với 2.399 cán bộ, công chức cấp xã (*trong đó, cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số là 364 người – chiếm 15,2% tổng số cán bộ, công chức tham gia*).

Ngoài ra, từ năm 2010 đến nay, Sở Nội vụ đã phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan mở 06 lớp đào tạo tiếng dân tộc Chăm (*với sự tham gia của 274 học viên*); 04 lớp đào tạo tiếng Raglai dành cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc (*với sự tham gia của 200 học viên*); 05 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN về kinh tế dành cho cán bộ, công chức thuộc các xã (*với sự tham gia của 412 học viên*); mở 01 lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính

trị - hành chính theo Đề án 124 dành cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thuộc 02 huyện Ninh Sơn và Bác Ái.

Bên cạnh đó, Sở Nội vụ đã phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục điều chỉnh chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức (*trong đó có đối tượng là người dân tộc thiểu số*) nhằm khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức tích cực học tập, nâng cao trình độ, chuẩn hóa theo tiêu chuẩn (*thông qua Quyết định số 83/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017; Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 26/4/2018; Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019; Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

** Về công tác tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số:*

- Căn cứ theo các quy định của pháp luật và trên cơ sở các quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện việc tăng cường quản lý công tác tuyển dụng công chức, viên chức; trong đó có quy định một số chính sách ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và tổ chức thực hiện trên cơ sở đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Bên cạnh đó, Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai, quán triệt thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu tiên trong tuyển dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo đúng quy định hiện hành và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 462/UBND-VX ngày 30/01/2015 về việc triển khai thực hiện chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBND ngày 11/9/2014 của Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc; đồng thời, đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới theo Kế hoạch số 4247/KH-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh.

- Thực hiện Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ; Thời gian qua, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện việc tuyển chọn các trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi đảm bảo kịp thời, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương (*gồm 11 đội viên*). Đồng thời, Sở Nội vụ đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương thuộc phạm vi Đề án thực hiện việc bố trí, phân công nhiệm vụ đối với các đội viên Đề án phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo, qua đó góp phần phát huy năng lực công tác của các đội viên Đề án trong thời gian qua và định kỳ hàng năm đều có đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đội viên Đề án. Ngoài ra, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản chỉ đạo các địa phương

thuộc phạm vi Đề án thực hiện tốt các chế độ, chính sách, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đối với các đội viên Đề án để đảm bảo cơ sở xem xét bố trí, sử dụng đội ngũ trí thức trẻ sau khi kết thúc Đề án. Đồng thời, đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 147/2012/QĐ-UBND ngày 11/7/2012 về việc thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc huyện Bác Ái; hiện nay, đang tăng cường 23 trí thức trẻ về làm việc tại các tổ công tác tại các xã thuộc huyện Bác Ái (trong đó có 13 trí thức trẻ là người dân tộc thiểu số). Thông qua việc triển khai chính sách nêu trên, các trí thức trẻ đã có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh, trực tiếp tham gia vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời đây còn là nguồn nhân lực trẻ để tạo nguồn, bổ sung vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Qua 20 năm thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã tạo được sự chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận của xã hội về quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước trong nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nghị quyết được các cấp uỷ đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị quan tâm tổ chức quán triệt, triển khai và được cụ thể hoá bằng các Chương trình hành động thực hiện có hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phát triển. Các tầng lớp Nhân dân đều tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng- an ninh ở các địa phương, đơn vị.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được tăng cường; hệ thống chính trị ở cơ sở không ngừng được củng cố và kiện toàn; vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị từng bước đổi mới; công tác quản lý Nhà nước được tăng cường; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã và các Hội quần chúng đã có những chuyển biến tích cực trong đổi mới nội dung, phương thức; khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được mở rộng; đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc thiểu số trong tỉnh từng bước được nâng cao.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được thực hiện đảm bảo theo đúng định hướng mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Thực hiện tốt chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức là người dân tộc của tỉnh, đáp ứng yêu cầu tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Hạn chế, nguyên nhân

Quá trình tổ chức quán triệt thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ở một số cấp uỷ đảng, chính quyền, các ngành chưa sâu rộng và thường xuyên. Việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết ở một số cấp uỷ đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng một số nơi còn hình thức, chưa cụ thể hoá được mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị.

Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số nơi có mặt còn hạn chế, hiệu quả thấp. Việc triển khai xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hình thức. Thực hiện cải cách hành chính ở một số nơi chất lượng chưa cao. Công tác kiểm tra, giám sát ở các cấp, các ngành chưa thường xuyên. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân và các vấn đề nổi cộm ở cơ sở một số nơi còn chưa được chỉ đạo tập trung, dứt điểm, kịp thời.

** Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm*

Vai trò của một số cấp uỷ và người đứng đầu chưa quan tâm sâu sát trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Công tác sơ kết, tổng kết, hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng đánh giá và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết vẫn còn chậm.

Sự phối hợp giữa cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các cấp, các ngành triển khai quán triệt và xây dựng Chương trình hành động, Kế hoạch, Đề án tổ chức thực hiện chưa đồng bộ. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện, sơ kết, tổng kết chưa thường xuyên, kịp thời.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI:

Để tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trong thời gian tới đảm bảo chất lượng, hiệu quả; Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận tăng cường phối hợp thực hiện một số giải pháp như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về việc triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề

án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 22/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kết luận số 14-KL/TU ngày 31/12/2021 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 16/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII về nâng cao hiệu quả công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc miền núi.

2. Tăng cường công tác phối hợp, nâng cao hiệu quả kết nghĩa giữa các ngành, đoàn thể, đơn vị lực lượng vũ trang với các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thường xuyên làm tốt công tác dân vận của các lực lượng vũ trang. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, hướng các hoạt động về cơ sở, giúp đỡ Nhân dân trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, ổn định đời sống, giúp nhau xóa đói giảm nghèo. Tích cực vận động Nhân dân tham gia xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm. Tăng cường đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Thực hiện tốt công tác tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc và các cá nhân tiêu biểu trong giới trí thức, doanh nhân, tôn giáo, dân tộc, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc; đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời biểu dương mô hình, điển hình tiêu biểu trong việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước của quần chúng Nhân dân.

4. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên trách làm công tác tôn giáo, công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Nâng cao chất lượng cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong mọi hoạt động ở khu dân cư. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*”; đa dạng hóa các hình thức huy động, ủng hộ, giúp đỡ để khai thác nhiều nguồn lực trong cộng đồng khu dân cư tham gia mục tiêu xóa đói giảm nghèo, xóa nhà tạm bợ, dột nát và các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban Dân tộc

Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong giai đoạn 2021-2025, trọng tâm là thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại vùng dân tộc thiểu số: Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

2. Đối với Chính phủ

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện thể chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số. Bổ sung chính sách có tính đặc thù trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn, điều kiện trong quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ người dân tộc thiểu số.

Trên đây là báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận kính báo Ủy ban Dân tộc tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ (báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, KHCS, Ái.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Bá Bình Yên

